

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM
大亞越南電線電纜股份有限公司
BIỂU KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2025
2025年度內部稽核計劃表

STT 項次	Nhân viên kiểm toán 稽核人員	Chu kỳ 循環	Hạng mục 項 目	Tháng 月 份												Tổng cộng 合計
				Một 一	Hai 二	Ba 三	Bốn 四	Năm 五	Sáu 六	Bảy 七	Tám 八	Chín 九	Mười 十	Mười một 十一	Mười Hai 十二	Số lần mỗi năm 每年次數
1	Chang Yun Cheng 張允岑	AS-100	Đơn đặt hàng, mở hóa đơn, công việc giao hàng 訂單、開立發票、交貨作業			1										1
2	Li Zong Ru 李宗儒	AW-100	Thuê người, tuyển dụng, tuyển chọn, bổ nhiệm và thăng chức, công việc điều chuyển 用人、招募、甄選、任用及晉升、調 遷作業			1										
3	Li Zong Ru 李宗儒	AW-100	Giáo dục và đào tạo (trước tuyển dụng, sau khi tuyển dụng) 教育訓練(職前、在職訓練)			1										1
4	Su Yu Chun 蘇瑜鈞	AP-100	Mua hàng, so sánh giá, giá cả đàm phán, công việc thanh toán 請購、比價、議價、付款作業						1							1
5	Su Yu Chun 蘇瑜鈞	AP-100	Công việc nghiệm thu 驗收作業						1							1
6	Su Yu Chun 蘇瑜鈞	AP-100	Việc quản lý nhà cung cấp (chế độ phê chuẩn/đánh giá) 供應商管理作業(審核/評鑑制度)						1							1



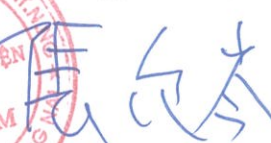
7	Chu Li Wei 朱立韡	AR-100	Thực hiện kiểm toán vay ngắn hạn và dài hạn 短期及中長期借款作業									1			1
8	Chu Li Wei 朱立韡	AR-100	Quản lý thông tin tài chính và phi tài chính 財務及非財務資訊管理									1			1
9	Hou Shun Siang 侯舜翔	AR-100	Quản lý chứng khoán và vốn chủ sở hữu (thặng dư và lợi nhuận) 股務及股東權益作業(公積與盈餘)									1			1
10	Chang Yun Cheng 張允岑	AO-100	Kiểm toán công việc quản lý quy trình (lập kế hoạch, sắp xếp lịch trình, chế tạo, sản xuất) 製程管理作業稽核(計畫、排程、製造、生產)										1		1
11	Chang Yun Cheng 張允岑	AO-100	Quản lý chất lượng 品質管制										1		1
12	Chang Yun Cheng 張允岑	AO-100	Duy tu bảo dưỡng 保養維修										1		1
Tổng Cộng 合 計				0	0	3	0	0	3	0	0	3	0	3	0

Đồng Nai 同奈 23/12/2024

Phê chuẩn 核准


LIN FU CHIH
林福枝

Người lập biểu 製表

 
CHANG YUN CHENG
張允岑

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

大亞(越南)電線電纜股份有限公司

Báo cáo tình hình kiểm toán thực tế Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025

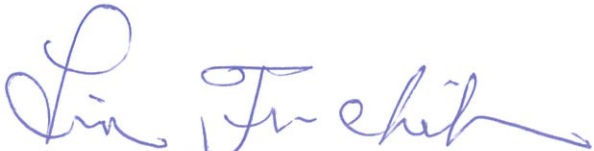
2025年度內部稽核作業查核計畫及實際執行情形報告

STT	Hạng mục 項目	Kỳ kiểm tra 查核期	Thời gian kiểm toán 稽核時間		Kết quả kiểm toán 查核結果	Biện pháp cần xử lý hoặc kế hoạch cải thiện 應行處理措施 或改善計畫	Cơ sở đánh giá, kết luận 評估, 結論 依據
			Ngày 日期	Mã số 編號			
1	Đơn đặt hàng, mở hóa đơn, công việc giao hàng 訂單、開立發票、交貨作業	tháng 03 3月	2025/3/25	1140301	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AS-100
2	Thuê người, tuyển dụng, tuyển chọn, bổ nhiệm và thăng chức, công việc điều chuyển 用人、招募、甄選、任用及晉升、調遷作業	tháng 03 3月	2025/3/25 2025/3/29	1140304	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AW-100
3	Giáo dục và đào tạo (trước tuyển dụng, sau khi tuyển dụng)/教育訓練(職前、在職訓練)	tháng 03 3月	2025/3/25 2025/3/29	1140305	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AW-100
4	Mua hàng, so sánh giá, giá cả đàm phán, công việc thanh toán/ 請購、比價、議價、付款作業	tháng 06 6月	2025/6/25 2025/6/30	1140601	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AP-100
5	Công việc nghiệm thu 驗收作業	tháng 06 6月	2025/6/25 2025/6/30	1140602	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AP-100
6	Việc quản lý nhà cung cấp (chế độ phê chuẩn/đánh giá) 供應商管理作業(審核/評鑑制度)	tháng 06 6月	2025/6/25 2025/6/30	1140603	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AP-100
7	Thực hiện kiểm toán vay ngắn hạn và dài hạn 短期及中長期借款作業	tháng 09 9月	2025/9/22 2025/9/23	1140902	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AR-100
8	Quản lý thông tin tài chính và phi tài chính 財務及非財務資訊管理	tháng 09 9月	2025/9/23 2025/9/24	1140903	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AR-100

9	Quản lý chứng khoán và vốn chủ sở hữu (thặng dư và lợi nhuận)/股務及股東權益作業(公積與盈餘)	tháng 09 9月	2025/9/4 2025/9/6	1140904	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AR-100
10	Quản lý chất lượng 品質管制	tháng 11 11月	2025/11/25 2025/11/27	1141102	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AO-100
11	Duy tu bảo dưỡng 保養維修	tháng 11 11月	2025/10/26 2025/10/27	1141103	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AO-100
12	Kiểm toán công việc quản lý quy trình (lập kế hoạch, sắp xếp lịch trình, chế tạo, sản xuất) 製程管理作業稽核(計畫、排程、製造、生產)	tháng 11 11月	2025/11/27 2025/11/29	1141101	bình thường 作業正常	không 無	chế độ KTNN AO-100

Đồng Nai 同奈, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đại diện tiêu ban kiểm toán
審計委員會代表:


LIN FU CHIH
林福枝

Trưởng kiểm toán nội bộ
內部稽核長:


CHANG YUN CHENG
張允岑

